TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 291/2024/DS-ST
Ngày: 29 - 8 - 2024
Về việc: Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Kim Sa
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Đặng Thị Nữa
2. Ông Trần Đức Nhì

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quân - Thư ký Toà án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2024 tại Phòng xử án dân sự trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 116/2024/TLST-DS ngày 16/04/2024 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 139/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty T1

Địa chỉ trụ sở: Lầu H Tòa nhà G, Số B P, Phường F, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đỗ Văn D, sinh năm 1993 (theo giấy uỷ quyền số 240515-4-CCO ngày 15/5/2024) (vắng mặt – có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ liên hệ: Lầu 8,9,10 Tòa nhà G, Số B P, Phường F, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Bà Phan Ngọc T, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: 3 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022 của Công ty T1 (sau đây viết tắt là Công ty) cùng lời khai của đại diện theo ủy quyền của Công ty trình bày như sau:

Bà Phan Thị Ngọc T có ký với Công ty T2 tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001857308 ngày 24/02/2015, để vay 29.900.000đồng của Công ty, sử dụng vào mục đích trả cho công ty TNHH T3 tiền mua xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, số khung RLHJF4613EZ 425287, số máy JF46E-7053506, biển kiểm soát số 59K1-800.06, thỏa thuận trả góp vào ngày 20 hàng tháng số tiền 2.491.650đồng/tháng liên tục trong 18 tháng (từ ngày 20/3/2015 đến 20/8/2016), lãi suất vay là 4,67%/tháng.

Sau khi ký hợp đồng, Công ty đã giải ngân đủ 29.900.000đồng tiền bà T vay theo hợp đồng, bằng cách chuyển khoản cho công ty TNHH T3 tiền bà T trả để mua xe máy nêu trên.

Sau khi vay, bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho công ty. Công ty đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bà T trả nợ nhưng cho đến bà T vẫn không thanh toán bất kì khoản tiền nào.

Nay, Công ty T1 yêu cầu cá nhân bà Phan Ngọc T hoàn trả cho công ty T1 toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là 29.900.000 đồng; thanh toán tiền lãi trong hạn chưa thanh toán theo Hợp đồng là 8.037.413 đồng (tính từ ngày 20/3/2015 đến ngày 20/9/2015); thanh toán tiền lãi quá hạn chưa thanh toán theo hợp đồng là 4.709.232 đồng, tổng cộng 42.646.645đồng, trả một lần toàn bộ ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Công ty T1 xác định không có giữ bản chính Giấy đăng ký xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, số khung RLHJF4613EZ 425287, số máy JF46E-7053506, biển kiểm soát số 59K1-800.06; Không có yêu cầu xử lý tài sản là xe máy này; Không có yêu cầu bà T thanh toán thêm các khoản lãi phát sinh từ thời điểm Tòa án thụ lý đến khi xét xử.

- Bà Phan Thị Ngọc T không có ý kiến, không đến Tòa án nhân dân Quận 6 để làm bản tự khai, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản nêu ý kiến.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T1. Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, cùng ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục tố tụng:

Ngày 04/5/2022 Công ty T1 đã nộp đơn khởi kiện đề ngày 21/4/2022 trong đó ghi người bị kiện là bà Phan Thị Ngọc T có địa chỉ là 357/76/36 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân Quận 6 không tống đạt được thông báo về việc thụ lý vụ án, do bà T không còn cư trú tại địa chỉ mà Công ty cung cấp (theo kết quả xác minh của Công an P Quận F). Công ty khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay còn nợ theo Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001857308 ngày 24/02/2015, có ghi địa chỉ của bà T là 357/76/36 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy, Công ty đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bà T, nhưng bà T thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Công ty biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật Dân sự, là đã cố tình giấu địa chỉ. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017, Tòa án nhân dân Quận 6 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Công ty T1 yêu cầu trả số tiền vay còn nợ đối với bà Phan Thị Ngọc T, có nơi cư trú cuối cùng tại 3 Hậu Giang, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh, do đó đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Phan Thị Ngọc T theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Xét bà T là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng

mặt không đến dự phiên tòa và Công ty T1 do ông Đỗ Văn D đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Phan Thị Ngọc T là bị đơn, và ông Đỗ Văn D đại diện theo ủy quyền của Công ty T1 là nguyên đơn.

[2]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

Tòa án nhân dân Quận 6 đã niêm yết hợp lệ cho bà Phan Thị Ngọc T thông báo thụ lý số 322/TB-TLVA ngày 16/4/2024 về việc thụ lý vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" theo đơn khởi kiện của Công ty T1 yêu cầu bà T trả tiền vay còn nợ. Phía bà T không có văn bản ghi ý kiến, cũng như không đến Tòa án nhân dân Quận 6 theo giấy triệu tập để trình bày ý kiến, chứng tỏ bà T đã "*không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu …*" mà bên Công ty đưa ra. Chính vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận 6 công nhận những tình tiết, sự kiện và tài liệu do Công ty đưa ra có giá trị chứng minh.

Theo Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001857308 ngày 24/02/2015, cùng lời khai của đại diện Công ty cho thấy giao dịch giữa Công ty và bà T là "Hợp đồng vay tài sản" có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 117, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực thực hiện theo thỏa thuận: bà Phan Thị Ngọc T vay của Công ty số tiền 29.900.000đồng, sử dụng vào mục đích trả cho công ty TNHH T3 tiền mua xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, số khung RLHJF4613EZ 425287, số máy JF46E-7053506, thỏa thuận trả góp vào ngày 20 hàng tháng số tiền 2.491.650đồng/tháng liên tục trong 18 tháng (từ ngày 20/3/2015 đến 20/8/2016), lãi suất vay là 4,67%/tháng.

Đại diện Công ty T4: Công ty đã giải ngân đủ 29.900.000đồng tiền bà T vay theo hợp đồng, bằng cách chuyển khoản cho công ty TNHH T3 tiền bà T trả để mua xe máy nêu trên. Tuy nhiên, cho đến nay bà T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay cho công ty. Công ty đã nhiều lần liên lạc yêu cầu bà T trả nợ nhưng cho đến bà T vẫn không thanh toán bất kì khoản tiền nào.

Như vậy, bà T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Do đó, căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016, bà T có nghĩa vụ trả cho Công ty tiền nợ vay gồm: nợ gốc là 29.900.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.037.413 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.709.232 đồng, tổng cộng 42.646.645đồng.

Về thời hạn thanh toán: Số tiền bà T còn thiếu nêu trên đến nay đã quá hạn thanh toán theo thỏa thuận, nên căn cứ Điều 278 Bộ luật Dân sự thì phải trả cho Công ty T5 số tiền 42.646.645đồng ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân dự năm 2015: Kể từ ngày Công ty có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu, hàng tháng bà T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3].Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016:

Bà Phan Thị Ngọc T phải trả cho Công ty số tiền nợ vay nêu trên, nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.132.332 đồng.

Công ty được chấp nhận toàn bộ yêu cầu nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.066.166 đồng

theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009790 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 266 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 278, Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019; Luật các tổ chức tín dụng; Thông tư số 12/2010/TT-NHNN ngày 14/4/2010; Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của Công ty T1 trách nhiệm hữu hạn HD Saison:

Buộc bà Phan Thị Ngọc T trả cho Công ty T1 số tiền vay còn nợ 42.646.645 (bốn mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn sáu trăm bốn mươi lăm) đồng (trong đó: nợ gốc là 29.900.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 8.037.413 đồng; tiền lãi quá hạn là 4.709.232 đồng) theo Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001857308 ngày 24/02/2015. Thời hạn trả toàn bộ số tiền nêu trên là ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Kể từ ngày Công ty T1 có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong số tiền còn thiếu, hàng tháng bà Phan Thị Ngọc T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Ngọc T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 2.132.332 (hai triệu một trăm ba mươi hai ngàn ba trăm ba mươi hai) đồng.

Hoàn trả lại cho Công ty T1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.066.166 (một triệu không trăm sáu mươi sáu ngàn một trăm sáu mươi sáu) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009790 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4. Về quyền kháng cáo: Công ty T1 trách nhiệm hữu hạn HD Saison và bà Phan Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục thi hành án dân sự Quận 6;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Kim Sa